

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Đình C; Sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 14A, xã Đăk Pek, huyện Đ G , tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, Sinh năm 1988, Địa chỉ: Thôn 14A, xã Đăk Pek, huyện Đ G , tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đình C và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Đình C và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Bùi Đình C và chị Nguyễn Thị H có hai người con

chung. Các bên thỏa thuận anh C sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Đình Đ, sinh ngày 11/4/2005; chị Nguyễn Thị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Nguyễn Hồng V, sinh ngày 13/4/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được. Anh C và chị H không ai yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Bùi Đình C và Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con chung và thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Đình C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/0004625 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ G , tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho anh Bùi Đình C số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ G ;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đ G ;
- UBND xã Nam Giang, huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Ngô Đình Tài